

Bản án số: 04/2023/DS-ST

Ngày: 11 - 01 - 2023.

“V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền
sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài sản
do người chết để lại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Thỏ.

Ông Hoàng Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2021/TLST-DS, ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2022/QĐXXST-DS ngày 21/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2022/QĐST-DS ngày 06/12/2022; Thông báo về việc dời phiên tòa xét xử số 264/TB-TA ngày 21/12/2022 và thông báo về việc dời phiên tòa xét xử số 267/TB-TA ngày 26/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Chúc L**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Kim Điền P, sinh năm 1993. Địa chỉ liên hệ: Khóm C, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/5/2021 (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1972. (có mặt)

2. Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1979. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị **Huỳnh Thị Bảo N**, sinh năm 2003 (vắng mặt)

2/ Chị **Huỳnh Thị Bảo T**, sinh năm 2004 (vắng mặt)

3/ Chị **Huỳnh Thị Bảo Tr**, sinh năm 2007 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Kim Điền P trình bày:**

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vào ngày 21/5/2010 nguyên đơn và chồng nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T (chết) có cổ cho vợ chồng ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị T diện tích 01 công tầm cây, thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng với số tiền là 20.000.000 đồng, việc cổ đất có làm giấy tay, thời gian cổ đất là 08 năm. Sau đó, vợ chồng nguyên đơn có cổ thêm cho vợ chồng ông T và bà T diện tích là 1,5 công tầm cây cùng thửa đất 510 với số tiền 28.000.000 đồng, thời hạn cổ đất đến ngày 21/5/2018 là hết hạn. Như vậy, 02 lần cổ đất là 2,5 công tầm cây với tổng số tiền là 48.000.000 đồng. Sau khi hết hạn nguyên đơn có yêu cầu chuộc lại nhưng phía vợ chồng ông T và bà T không đồng ý mà yêu cầu đến năm 2024 mới cho chuộc và chuộc với tổng số tiền là 62.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn bà Dương Thị Chúc L khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 21/5/2010 giữa vợ chồng nguyên đơn với vợ chồng ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị T đối với diện tích 2,5 công tầm cây, thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng là vô hiệu, đồng thời yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng. Phía nguyên đơn bà L đồng ý trả lại cho phía vợ chồng ông T và bà T số tiền là 48.000.000 đồng.

- **Bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:**

Vào năm 2010 vợ chồng bà Dương Thị Chúc L và ông Huỳnh Văn T có cổ phần đất diện tích là 2,5 công tầm cây cho vợ chồng bà với tổng số tiền 47.000.000 đồng. Đến năm 2011 thì vợ chồng bà L lấy thêm số tiền 13.000.000 đồng nữa là chẵn 60.000.000 đồng. Đến năm 2015 khi bà L đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, ông T ở nhà một mình và bị bệnh nên có qua vợ chồng bà lấy thêm số tiền 15.000.000 đồng nữa tổng cộng là 75.000.000 đồng. Ngoài ra trước đây vợ chồng bà L có cổ đất cho ông Quách Văn H số tiền 10.000.000 đồng, vợ chồng bà đứng ra chuộc lại sau đó vợ chồng bà L trả cho bà được 5.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 5.000.000 đồng.

Do để thất lạc các giấy tờ cầm cố, kiểm không được nên khi cổ cho phía ông T ngày 25/3/2015 hai bên chỉ nhớ và tổng cộng các lần cổ là 62.000.000 đồng. Đồng thời, tại hòa giải ngày 16/3/2020 bà cũng chỉ nhớ số tiền cổ là 62.000.000 đồng. Nay kiểm được biên nhận ngày 20/9/2011 vợ chồng ông T và bà L nhận thêm số tiền 13.000.000 đồng, là chẵn 60.000.000 đồng cộng với số tiền ông T lấy 15.000.000 đồng nữa là 75.000.000 đồng. Tuy nhiên, do giám định chữ ký của bà

L trong biên nhận ngày 20/9/2011 không ra nên bà đồng ý cho chuộc lại số tiền 62.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu xin chuộc lại phần diện tích đất là 2,5 công tầm cây thì bà cũng đồng ý và bà yêu cầu phía bà L trả cho bà số tiền là 62.000.000 đồng. Đối với số tiền 5.000.000 đồng bà không yêu cầu trong vụ án này. Sau này không thỏa thuận được bà khởi kiện thành vụ án khác.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Thông nhất với lời trình bày và yêu cầu của vợ ông là bà Huỳnh Thị T, ngoài ra ông không ý kiến gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất vô hiệu, buộc các bị đơn giao trả lại cho nguyên đơn phần đất diện tích 3.131,2m², thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Buộc nguyên đơn và các đồng thừa kế của ông T liên đới trả cho bị đơn tiền cổ đất là 62.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, người đứng ra thỏa thuận cầm cố cũng đã chết. Do đó, HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 3, khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Bảo T, Huỳnh Thị Bảo N, Huỳnh Thị Bảo Tr Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

- Về nội dung vụ án:

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng “tờ giao kèo ngày 21/5/2010” đối với phần đất diện tích là 2,5 công tầm cây, thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng giữa vợ chồng nguyên đơn với vợ chồng bị đơn là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng. Bị đơn cũng thừa nhận là có nhận cố của nguyên đơn diện tích là 2,5 công tầm cây thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, đây là các tình tiết được các đương sự thừa nhận và không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất “tờ giao kèo ngày 21/5/2010” giữa vợ chồng nguyên đơn và vợ chồng bị đơn đối với phần đất diện tích là 2,5 công tầm cây, thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Nhận thấy, về nội dung và hình thức của hợp đồng là chưa phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đất đai không phải là đối tượng của hợp đồng cầm cố theo quy định tại Điều 500 của Bộ luật dân sự. Đồng thời, người sử dụng đất cũng không có quyền cầm cố đất theo quy định tại Điều 167 của Luật đất đai. Do đó, việc nguyên đơn với bị đơn xác lập giao dịch cầm cố đất với nhau là chưa phù hợp với định của pháp luật. Nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất “tờ giao kèo ngày 21/5/2010” vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận. Do hợp đồng vô hiệu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ thời điểm xác lập và các bên có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận, cụ thể: nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho bị đơn số tiền cầm cố, ngược lại các bị đơn có nghĩa vụ giao trả cho nguyên đơn diện tích đất cầm cố.

[5] Xét về số tiền thỏa thuận cầm cố đất giữa nguyên đơn với bị đơn, nhận thấy: theo nguyên đơn thì hai vợ chồng nguyên đơn có cố cho vợ chồng bị đơn 02 lần tổng số tiền là 48.000.000 đồng. Theo các bị đơn thì vợ chồng nguyên đơn cố cho vợ chồng bị đơn nhiều lần với số tiền tổng cộng là 75.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị đơn đồng ý cho nguyên đơn chuộc lại với số tiền 62.000.000 đồng. Xét thấy, các đương sự đều thừa nhận khi còn sống chung thì vợ chồng nguyên đơn có thỏa thuận cầm cố cho vợ chồng bị đơn 02 lần, đến lần thứ 2 ngày 21/5/2010 thì có làm “tờ giao kèo”. Ngoài ra, cũng theo tài liệu bị đơn cung cấp là tờ cố đất ngày 25/03/2015 giữa vợ chồng nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T và vợ chồng bị đơn có lập tờ cố đất hai bên thỏa thuận “Vào ngày 21/5/2010 tôi có cố cho anh Huỳnh Văn T 2,5 công đất với tổng số tiền là 47.000.000 đồng tại thửa 510, tờ bản đồ số 03, tọa tại ấp M, xã M. Nay vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên tôi có thương lượng với anh T cho tôi nhận thêm một số tiền là 15.000.000 đồng như vậy 02 lần nhận là. Lần thứ nhất ngày 21/5/2010 số tiền 47.000.000 đồng, lần thứ 2 ngày 25/3/2015 số tiền là 15.000.000 đồng. Tổng cộng 02 đợt tôi có nhận tổng cộng là 62.000.000 đồng, giao kèo đến ngày 25/5/2024 thì hết hạn”. Tờ cố đất được một số người làm chứng ký tên gồm ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn O, ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Thu V. Theo các biên bản xác minh ngày 04/7/2022 thì những người này thừa chữ ký trong tờ cố đất ngày 25/03/2015 là của họ và xác nhận là do ông T và ông T nhờ xác nhận việc có cố đất với nhau. Đồng thời, tại phiên hòa giải ngày 16/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình thì nguyên đơn cũng đồng ý số tiền cố đất trước và sau tổng cộng là 62.000.000 đồng.

Từ đó, có cơ sở HĐXX xác định tiền cổ đất giữa hai bên tổng cộng là 62.000.000 đồng.

[6] Xét về diện tích phần đất tranh chấp thì thấy: các đương sự đều thống nhất phần đất cầm cố có diện tích là 2,5 công tầm cây tương đương diện tích là $3.250m^2$. Tuy nhiên, trong quá trình bị đơn canh tác đã phá bờ mầu nên không còn hiện trạng. Do đó, khi đo đạc thì các đương sự không thống nhất được ranh. Xét thấy, theo diện tích đo đạc thực tế thì nguyên đơn chỉ ranh là có trụ đá làm ranh và phần bờ mầu thẳng trong cùng một thửa. Đồng thời diện tích theo đo đạc thực tế có diện tích là $3.131,2m^2$ là gần tương đương với diện tích mà các bên thỏa thuận cố. Đối với lời trình bày của bị đơn cho rằng vị trí nguyên đơn chỉ đo vô một tầm 03m có diện theo đo đạc thực tế là $2.745,4m^2$ là ít hơn nhiều so với diện tích mà các bên đã thỏa thuận cầm cố nên lời trình bày của các bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, phần đất mà các bên chỉ đều thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 03. Từ đó, có cơ sở HĐXX xác định phần đất mà các bên thỏa thuận cố có diện tích theo đo đạc thực tế là $3.131,2m^2$, thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 03.

[7] Đối với vị trí đất, diện tích qua đo đạc là chính xác. Tuy nhiên, đối với tứ cạnh của phần đất được ghi trong biên bản thẩm định ngày 22/4/2022 là chưa chính xác mà có sai hướng cạnh của thửa đất. Nay HĐXX xác định lại phần đất cầm cố có số đo và vị trí tứ cạnh như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 510 có số đo: 23,19m + 3,40m.
- + Hướng Tây giáp thửa 405 có số đo: 28,42m + 3,81m.
- + Hướng Nam giáp thửa 370, 170 có số đo: 106,69
- + Hướng Bắc giáp thửa 510 có số đo: 107,06m

[8] Đối với trách nhiệm trả tiền cổ đất nhận thấy, nguyên đơn thừa nhận 02 lần đầu khi cổ là do vợ chồng đứng ra thỏa thuận cầm cố. Sau đó, hai vợ chồng ly thân với nhau nên việc ông T chồng nguyên đơn có cổ lấy thêm số tiền 15.000.000 đồng thì nguyên đơn không biết. Tuy nhiên, nguyên đơn thừa nhận khi ly thân với nhau thì ông T ở một mình và bị bệnh nặng. Xét thấy, mặc dù ngày 25/3/2015 chỉ một mình ông T đứng ra thỏa thuận cầm cố nhưng việc ông T cổ thêm cũng chỉ nhằm mục đích lấy tiền trị bệnh cho bản thân. Đồng thời, giữa bà L với ông T có quan hệ là vợ chồng sống chung với nhau có 03 người con và số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra, bà L thừa nhận quyền sử dụng đất cầm cố cho bị đơn là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, hiện ông T đã chết nên trách nhiệm liên đới cùng với nguyên đơn trả lại số tiền cổ cho bị đơn sẽ chuyển giao cho các đồng thừa kế thứ nhất của ông T gồm: bà Dương Thị Chúc L, chị Huỳnh Thị Bảo N, chị Huỳnh Thị Bảo T, chị Huỳnh Thị Bảo Tr thực hiện trong phạm vi di sản của ông T chết để lại là phù hợp theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[9] Về chi phí thẩm định và định giá với tổng số tiền là 7.800.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất vô hiệu được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do phía nguyên đơn đã tạm ứng thanh

toán trước nên các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả lại cho nguyên đơn tiền thẩm định và định giá nêu trên.

[10] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí có giá ngạch đối với trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bị đơn. Các bị đơn liên đới chịu tiền án phí không giá ngạch đối với thực hiện nghĩa vụ giao đất cho nguyên đơn theo quy định tại, khoản 4 Điều 26, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 157, Điều 165, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273; Điều 123, Điều 131, Điều 500 của Bộ luật dân sự; Điều 167 của Luật đất đai; điểm, khoản 4 Điều 26, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Chúc L.

Tuyên bố hợp đồng cầm quyền sử dụng đất “tờ giao kèo ngày 21/5/2010” giữa ông Huỳnh Văn Tường, bà Dương Thị Chúc L với ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị T đối với phần đất diện tích 2,5 công tằm cây (diện tích đo đạc thực tế là 3.131,2m²), thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng là vô hiệu.

2/ Buộc các bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm giao trả lại cho bà Dương Thị Chúc L phần đất có diện tích là 3.131,2m², thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có tứ cạnh như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 510 có số đo: 23,19m + 3,40m.
- + Hướng Tây giáp thửa 405 có số đo: 28,42m + 3,81m.
- + Hướng Nam giáp thửa 370, 170 có số đo: 106,69
- + Hướng Bắc giáp thửa 510 có số đo: 107,06m

(Có sơ đồ kèm theo)

3/ Buộc nguyên đơn bà Dương Thị Chúc L và ông Huỳnh Văn T cùng có nghĩa vụ liên đới giao trả số tiền cổ đất 62.000.000 đồng (*sáu mươi hai triệu đồng*) cho các bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị T. Nhưng do ông Huỳnh Văn T đã chết nên những người thừa kế thứ nhất của ông T bao gồm: bà Dương Thị Chúc L, chị Huỳnh Thị Bảo N, chị Huỳnh Thị Bảo T, chị Huỳnh Thị Bảo Tr thực hiện nghĩa vụ nêu trên thay cho ông T trong phạm vi di sản do ông T để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/. Về chi phí thẩm định và định giá: Buộc các bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị T phải chịu với tổng số tiền 7.800.000 đồng (*bảy triệu tám trăm ngàn đồng*). Do nguyên đơn đã tạm ứng thanh toán trước nên các bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Dương Thị Chúc L số tiền 7.800.000 đồng (*bảy triệu tám trăm ngàn đồng*).

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc nguyên đơn và Dương Thị Chúc L cùng với ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm do thực hiện nghĩa vụ đối với bị đơn là 3.100.000 đồng (*ba triệu một trăm ngàn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001027 ngày 02/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Bà L và ông T còn phải liên đới nộp thêm số tiền 2.800.000 đồng (*hai triệu tám trăm ngàn đồng*). Nhưng do ông Huỳnh Văn T chết nên những người thừa kế thứ nhất của ông T bao gồm: bà Dương Thị Chúc L, chị Huỳnh Thị Bảo N, chị Huỳnh Thị Bảo T, chị Huỳnh Thị Bảo Tr thực hiện nghĩa vụ nêu trên thay cho ông T trong phạm vi di sản do ông T để lại.

+ Các bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị T liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn